TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-PT
Ngày: 14-3-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

***Các Thẩm phán*:** Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Nguyễn Thị Ng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-DS, ngày 09/01/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Ông Lâm Tân C, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 10, xã Thống Nh, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Hữu Minh Nh, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu Phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Quốc Ch, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 12, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn 10, xã Thống Nh, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Văn Phòng công chứng B. Người đại diện theo pháp luật, ông Bùi Văn Ngh; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2019, vợ chồng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng có vay của ông Nguyễn Thành Tr số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 3%/tháng và trả lãi hàng tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 29/4/2020 (thời hạn vay là một năm), ông Nguyễn Thành Tr đồng ý cho vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng với điều kiện yêu cầu vợ chồng ông C phải ra Văn phòng công chứng D (nay là Văn Phòng công chứng B) địa chỉ tại xã Đ, huyện B, làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Thành Tr, mục đích để thế chấp làm tin, ông C, bà Ng đồng ý và đã giao cho ông Nguyễn Thành Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00057, thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 00, tại thôn 10, xã Thống Nh, huyện B, tỉnh Bình Phước, trên đất có xây căn nhà cấp IV. Vợ chồng ông C và ông Nguyễn Thành Tr thỏa thuận sau khi trả lại số tiền 200.000.000 đồng thì ông Nguyễn Thành Tr phải có nghĩa vụ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đồng thời ông Tr phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về tiền lãi, ông Nguyễn Thành Tr vào nhà bắt buộc vợ chồng ông C phải đóng lãi, cứ 1.000.000 đồng/ngày thì tiền lãi là 3.000 đồng x 200.000.000 đồng x 30 ngày = 18.000.000 đồng tiền lãi/tháng, nếu chúng tôi không đóng thì ông Nguyễn Thành Tr lấy hợp đồng sang nhượng mà vợ chồng ông C thế chấp, làm thủ tục sang tên cho ông Tr, vì lo sợ bị mất nhà và đất ở nên ông bà đã trả cho ông Tr được 07 tháng với số tiền lãi 120.000.000 đồng. Sau đó ông Nguyễn Thành Tr bị Công an tỉnh Bình Phước bắt tạm giam về việc cho vay nặng lãi và ông bà đã được Cơ quan Công an tỉnh Bình Phước mời làm việc về số tiền vay 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành Tr, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước xác định ông Nguyễn Thành Tr cho vay nặng lãi đồng thời Cơ quan điều tra yêu cầu ông bà không được đóng lãi hàng tháng cho ông Nguyễn Thành Tr nữa, chờ xử lý của cơ quan điều tra. Kể từ thời gian này ông C, bà Ng đã không thực hiện việc đóng lãi cho ông Tr. Hiện nay, ông Nguyễn Thành Tr được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước cho tại ngoại, ông bà gặp ông Tr đề nghị trả lại số tiền vay 200.000.000 đồng và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà nhưng ông Tr yêu cầu ông bà phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi suất 18.000.000 đồng/tháng kể từ đó cho đến nay thì mới đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông bà.

Xét thấy việc thỏa thuận vay mượn số tiền 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành Tr với lãi suất 3% tháng nhưng ông Tr buộc ông bà phải trả 9% tháng tương ứng với 12 tháng là hơn 100% năm là không thể chấp nhận được, vi phạm pháp luật về việc cho vay nặng lãi.

Vì vậy ông C, bà Ng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng với ông Nguyễn Thành Tr được lập ngày 26/4/2019 tại Văn phòng công chứng D.

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành Tr phải tính lại lãi suất theo Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi suất, và thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng với ông Nguyễn Thành Tr được lập ngày 26/4/2019 tại Văn phòng công chứng D là vô hiệu.

***Bị đơn trình bày*:** Ông Nguyễn Thành Tr có mua tài sản nhà và đất của vợ chồng ông C, trị giá 200.000.000 đồng theo giá thị trường, sau đó các bên có ra Văn phòng công chứng và đã giao nhận đủ tiền 200.000.000 đồng, ông C hẹn cho mượn nhà ở khi nào ông Tr làm xong sổ đỏ thì ông bà sẽ đi. Ông Tr không cho vay tiền và nhận tiền lãi như lời khai của nguyên đơn và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án ông Tr có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp đồng được công chứng số 0001893 ngày 26/02/2019 tại Văn phòng công chứng D (nay là Văn Phòng công chứng B).

Đoạn ghi âm mà nguyên đơn, người liên quan cung cấp, không phải là giọng nói của ông Nguyễn Thành Tr và ông Tr cũng không yêu cầu giám định giọng nói.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim L trình bày:

Bà Liên có nhờ bố mẹ bà là ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng đứng ra vay hộ bà tiền, vay của ông Nguyễn Thành Tr, số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trả lãi 3.000 đồng/ngày/1 triệu đồng, trả lãi hàng tháng, hai bên thỏa thuận trả tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày cuối cùng 29/04/2020 (thời gian vay là một năm). Để bảo đảm khoản tiền vay, ông Nguyễn Thành Tr yêu cầu bố mẹ bà phải thế chấp tài sản nhà và đất, bằng hình thức ký hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất giả tạo, hai bên ra Văn phòng công chứng D (nay là Văn Phòng công chứng B) làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà Liên đã trả lãi được 07 tháng là 120.000.000 đồng thì ông Nguyễn Thành Tr bị Công an tỉnh Bình Phước bắt tạm giam về việc cho vay nặng lãi, đồng thời yêu cầu gia đình bà không được đóng lãi hàng tháng cho ông Nguyễn Thành Tr nữa mà chờ xử lý, kể từ thời gian này gia đình bà đã không

đóng lãi cho ông Tr, gia đình bà chuộc lại sổ đỏ thì ông Tr ủy quyền cho Luật sư buộc gia đình bà trả cả gốc và lãi 344.00.000 đồng nên gia đình bà không đồng ý. Bà có điện thoại nói chuyện với ông Tr, bà Liên có ghi âm lại vào khoảng 11 giờ ngày 08/12/2020, ông Tr thừa nhận hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất là giả tạo nhằm đảm bảo việc vay mượn tiền, tiền lãi bà đã đóng cho ông Tr 07 tháng là 120.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn Phòng công chứng B, người đại diện trình bày:

Văn phòng công chứng D có chuyển đổi sang Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc Việt và hiện nay là Văn Phòng công chứng B, Văn Phòng công chứng B có lưu trữ hồ sơ hợp đồng công chứng số 0001893 quyển số 01 ngày 26/4/2019 bên chuyển nhượng Lâm Tân C, Nguyễn Thị Ng, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thành Tr, hiện nay các bên tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng thì Văn Phòng công chứng B không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp đồng được công chứng số 0001893 ngày 26/02/2019 tại Văn phòng công chứng D giữa ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng với ông Nguyễn Thành Tr là vô hiệu.

Đối với số tiền chuyển nhượng mà bị đơn đã giao cho nguyên đơn 200.000.000 đồng, thực chất đây là khoản tiền vay, giao dịch đang có hiệu lực, đây là vụ án khác, ông Nguyễn Thành Tr chưa khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00057 do UBND huyện B cấp ngày 12/4/2010 đứng tên người sử dụng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thành Tr đã nhận nên ông Tr có nghĩa vụ giao trả lại cho ông C, bà Ng.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Thành Tr không thực hiện nghĩa vụ giao trả thì ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật, khi đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00057 do UBND huyện B đã cấp ngày 12/4/2010 đứng tên người sử dụng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng sẽ không còn giá trị pháp lý.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin rút yêu cầu tính lãi suất.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2020/QĐ- BPKCTT ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B cho đến khi có Quyết định khác thay thế, hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2022 bị đơn ông Nguyễn Thành Tr có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất hai bên ký công chứng ngày 26/4/2019, giao tài sản cho bị đơn để bị đơn liên hệ cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B; Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng là ông Đặng Hữu Minh Nh và bị đơn ông Nguyễn Thành Tr về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng là ông Đặng Hữu Minh Nh và bị đơn ông Nguyễn Thành Tr đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng N 0001893, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng với ông Nguyễn Thành Tr được lập ngày 26/4/2019 tại Văn phòng công chứng D (nay là Văn Phòng công chứng B).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00057 do UBND huyện B cấp ngày 12/4/2010 đứng tên người sử dụng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng, bị đơn ông Nguyễn Thành Tr có nghĩa vụ giao trả lại cho ông C, bà Ng.

2. Nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Nguyễn Thành Tr tổng số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng); Trong đó: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền lãi;

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

3. Chi phí đo đạc ông Tr có trách nhiệm chịu toàn bộ. Do nguyên đơn ông C, bà Ng đã đóng tạm ứng số tiền này nên ông Tr có trách nhiệm hoàn trả cho ông C, bà Ng số tiền 2.060.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Cụ thể: 370.000.000 đồng x 5% = 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Tr không phải chịu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành Tr;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước;

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng là ông Đặng Hữu Minh Nh và bị đơn ông Nguyễn Thành Tr về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng N 0001893, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng với ông Nguyễn Thành Tr được lập ngày 26/4/2019 tại Văn phòng công chứng D (nay là Văn Phòng công chứng B).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00057 do UBND huyện B cấp ngày 12/4/2010 đứng tên người sử dụng ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng, bị đơn ông Nguyễn Thành Tr có nghĩa vụ giao trả lại cho ông C, bà Ng.

2. Nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Nguyễn Thành Tr tổng số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng); Trong đó: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền lãi;

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí đo đạc ông Tr có trách nhiệm chịu toàn bộ. Bị đơn ông Tr có trách nhiệm hoàn trả cho ông C, bà Ng số tiền 2.060.000 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Tân C, bà Nguyễn Thị Ng phải chịu số tiền 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 015888 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Số tiền còn lại nguyên đơn ông C, bà Ng phải nộp là 18.200.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000375 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Tr không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Tr số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000799 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư